

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 9 - 2021

*“V/v Ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc *“Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1976; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Chị Lưu Thị N; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 07/10/2009; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo pháp luật của cháu A:*

- Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1976; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là cha đẻ cháu A– có mặt.

- Bị đơn: Chị Lưu Thị N; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là mẹ đẻ của cháu A– có đơn xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Mạnh C trình bày:* Năm 1998, anh C và chị Lưu Thị N chung sống với nhau tại thôn S, xã B, huyện B nhưng không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2004, anh chị chuyển đến ở xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; năm 2020, thì chuyển khẩu đến xã Q, huyện T

để làm ăn, sinh sống.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xuyên mâu thuẫn không có tiếng nói chung, hay cãi nhau; anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, anh C đã không còn tình cảm với chị N nên anh C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Lưu Thị N

Quá trình chung sống: anh chị có 03 con chung là cháu Trần Thị Ái L, sinh năm 1996; cháu Trần Thị Khánh L, sinh năm 2009 và cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 07/10/2009. Hai cháu Ái L và Khánh L đã trưởng thành và có công việc ổn định nên anh C không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay, cháu A đang ở với anh C; nên nguyện vọng của anh C là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay anh C đang làm nông tại xã Q với mức thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/ tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu A.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lưu Thị N trình bày:* Về việc hai bên chung sống với nhau không đăng ký kết hôn; có nhiều mâu thuẫn theo lời trình bày của anh C là đúng sự thật. Hiện nay chị N đã không còn tình cảm với anh C, nên đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh C thì chị đồng ý.

Quá trình chung sống: anh chị có 03 con chung là cháu Trần Thị Ái L, sinh năm 1996; cháu Trần Thị Khánh L, sinh năm 2009 và cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 07/10/2009. Hai cháu Ái L và Khánh L đã trưởng thành và có công việc ổn định nên chị N không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay, cháu A đang ở với anh C; nên chị N đồng ý giao cháu A cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu A đến tuổi trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mạnh C, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị N.

Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 07/10/2009 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Mạnh C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001453 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Mạnh C khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Lưu Thị N, chị N có đăng ký thường trú tại Bon B, xã Q, huyện T. Do đó, đây là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh C và chị N; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Từ năm 1988 đến nay, anh Trần Mạnh C và chị Lưu Thị N chung sống với nhau như vợ chồng; anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên đã không đăng ký. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...*”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng, chị N và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc; anh C và chị N không còn chung sống, thương yêu và quan tâm lo lắng cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh C với chị N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Anh C có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 07/10/2009; chị N đồng ý giao cháu A cho anh C nuôi dưỡng. Ý kiến của cháu A là có nguyện vọng được sống chung với bố. Xét thấy: hiện cháu A đang có cuộc sống ổn định với anh C, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải công nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị N; tiếp tục giao cháu A cho anh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu A. Chị N được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Mạnh C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001453 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Mạnh C.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Mạnh C và chị Lưu Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 07/10/2009 cho anh Trần Mạnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Chị Lưu Thị N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trần Mạnh C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001453 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Quang Trung**